

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 - THẮNG LỢI CỦA QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG, ĐÓN THỜI CƠ, TIẾN HÀNH KHỞI NGHĨA TỪNG PHẦN ĐẾN TỔNG KHỞI NGHĨA TOÀN QUỐC

NGUYỄN VĂN NHẬT*

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thắng lợi của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, của đường lối đoàn kết toàn dân, đường lối đấu tranh kiên quyết và khôn khéo của Đảng. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của quá trình chuẩn bị lực lượng vũ trang và chính trị, quá trình xây dựng căn cứ địa cách mạng, của việc chớp thời cơ phát động khởi nghĩa từng phần ở từng địa phương tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc.

1. Quá trình chuẩn bị lực lượng

Cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là quá trình chuẩn bị lâu dài từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập và trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đó là quá trình xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất, xây dựng căn cứ địa cách mạng. Công cuộc này được đẩy nhanh khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai bùng nổ và nhất là khi lãnh tụ Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ Hai bùng nổ, các tổ chức đảng và quần chúng trong nước bị thực dân Pháp thẳng tay đàn áp. Trước tình hình đó, tháng 11-1939, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu

Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo, chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ sang trực tiếp đòi quyền lợi dân tộc, đánh đổ đế quốc, tay sai; từ đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và không hợp pháp, chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận thống nhất Phản đế Đông Dương* nhằm liên hiệp tất cả các dân tộc Đông Dương, các giai tầng, đảng phái, cá nhân có tinh thần chống đế quốc, muốn giải phóng dân tộc. Các tổ chức phản đế phát triển nhanh chóng dưới hình thức bí mật và công khai trên khắp cả nước.

Tháng 9-1940, quân Nhật kéo vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng phát xít Nhật. Trước sự chuyển biến mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và tháng 5-1941, Người triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ tám, bàn về nhiệm vụ cấp thiết của cách mạng Việt Nam. Hội nghị xác định cách mạng Đông Dương trong giai đoạn này là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Để tiến hành giải phóng dân tộc thắng lợi, Hội nghị đề ra nhiệm vụ "phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù (...), với lực lượng sẵn có,

*PGS.TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn" (1).

Thực hiện chủ trương của Đại hội, để chuẩn bị lực lượng tiến tới tổng khởi nghĩa, ngày 19-5-1941, Đảng quyết định thành lập *Mặt trận Việt Minh* nhằm tập hợp mọi tầng lớp nhân dân "có lòng yêu nước, thương nòi" cùng nhau đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh nêu rõ: "Việt Minh coi quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy, Việt Minh sẵn sàng giơ tay đón tiếp những cá nhân hay đoàn thể, không cứ theo chủ nghĩa quốc tế hay quốc gia, miễn là thành thực muốn đánh đuổi Nhật-Pháp để dựng lại một nước Việt Nam tự do và độc lập" (2).

Với "chủ trương liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn" (3), Mặt trận Việt Minh đã tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân xung quanh ngọn cờ "đánh đuổi Nhật, Pháp". Đến năm 1942, các tổ chức cứu quốc, thành viên của Mặt trận Việt Minh đã được thành lập và phát triển ở hầu hết các địa phương trong cả nước như Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Tự vệ cứu quốc. Năm 1943, Hội Văn hóa cứu quốc, rồi tiếp đó tháng 6-1944, Đảng Dân chủ Việt Nam, Đảng của giới trí thức yêu nước đã được thành lập. Ở Nam Bộ, tháng 5-1945, tổ chức "Thanh niên Tiền Phong" đã ra đời từ phong trào thanh niên, sinh viên. Mặt trận Việt Minh trở thành một tổ chức Mặt trận đặc biệt, vừa làm nhiệm vụ của mặt trận là tập hợp, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, vừa gánh vác vai trò như tổ chức chính quyền cách mạng trong vùng giải phóng.

Mặt trận Việt Minh một trong những nhân tố cơ bản bảo đảm cho Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.

Về xây dựng lực lượng vũ trang, sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940), Trung ương Đảng quyết định duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, lập những đội du kích Bắc Sơn, dùng hình thức vũ trang công tác để khi cần thì chiến đấu chống khủng bố, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, phát triển cơ sở cách mạng tiến tới thiết lập căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai do Trung ương chỉ đạo. Ngày 14-2-1941, Đội du kích Bắc Sơn với 32 chiến sĩ chính thức ra đời ở khu rừng Khuổi Nọi, xã Vũ Lễ, châu Bắc Sơn, Lạng Sơn. Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, đội du kích Bắc Sơn được đổi thành *Trung đội Cứu quốc quân 1*, có nhiệm vụ vừa huấn luyện, vừa bảo vệ căn cứ địa và phát triển lực lượng. Trên cơ sở của bộ phận du kích Tràng Xá, ngày 15-9-1941, Trung đội du kích thứ hai gồm 47 chiến sĩ được thành lập tại rừng Khuôn Mếng, thôn Ngọc Mỹ, Tràng Xá (Thái Nguyên). Sau Hội nghị của Ủy ban Quân chính Bắc Sơn - Võ Nhai (10-1941), trung đội này được đổi thành *Trung đội Cứu quốc quân 2*, với nhiệm vụ chính là "thực hiện việc giải phóng do Mặt trận Việt Minh đề ra". Ngay sau khi thành lập, trung đội này đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào quần chúng, bảo vệ và mở rộng khu căn cứ, làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng ở các địa phương. Tại Cao Bằng, tháng 10-1941, theo chỉ thị của Nguyễn Ái Quốc, Đội du kích Pác Bó - đội du kích thoát ly đầu tiên của Cao Bằng gồm 12 chiến sĩ được thành lập. Đến năm 1944, trên cơ sở phát triển mạnh mẽ của phong trào tại căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, ngày 25-2-1944, *Trung đội Cứu quốc quân thứ 3* chính thức được thành lập tại Khuổi Kịch, châu Sơn Dương

(Tuyên Quang), gồm 24 chiến sĩ, hoạt động ở Nam Đại Từ, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Vĩnh Yên.

Trước yêu cầu của cách mạng và trên quan điểm "*chính trị trọng hơn quân sự*", tháng 12-1944, Hồ Chí Minh ra Bản chỉ thị thành lập *Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân*. Ngày 22-12-1944, tại khu rừng Sau Cao, nằm giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân* - tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam đã chính thức được thành lập do Võ Nguyên Giáp phụ trách, gồm 3 tiểu đội với 34 chiến sĩ được chọn từ những chiến sĩ du kích Cao-Bắc-Lạng.

Tháng 5 năm 1945, trước yêu cầu mới của cách mạng, các đơn vị Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thống nhất thành *Việt Nam Giải phóng quân*. Ngày 15-5-1945, lễ thành lập Việt Nam Giải phóng quân được tổ chức tại huyện Định Hóa (Thái Nguyên).

Cùng với việc thành lập Mặt trận Việt Minh và lực lượng vũ trang, Đảng chủ trương *xây dựng, củng cố và mở rộng các căn cứ địa cách mạng* trong cả nước, tạo điều kiện xây dựng lực lượng làm bàn đạp tiến tới tổng khởi nghĩa.

Ngay từ khi về nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm chỗ đứng chân cho cách mạng và từng bước được xây dựng thành căn cứ. Từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, các hội cứu quốc đã phát triển ở nhiều châu của Cao Bằng như Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình gồm đủ các tầng lớp, dân tộc. Đến cuối 1941, Cao Bằng đã xuất hiện nhiều "*xã hoàn toàn*" và đến đầu năm 1942, đã có 3 trong 9 châu trở thành châu "*hoàn toàn*" của Việt Minh. Các hội cứu quốc, các đội tự vệ phát triển rầm rộ

trong khắp các xã, châu. Từ Cao Bằng, *Đội du kích Pắc Bó* cùng các đội công tác tiến sang Lạng Sơn, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái và Thái Nguyên để tiến dần xuống miền xuôi, nối liền khu căn cứ với đồng bằng và liên lạc với Trung ương. Đồng thời, theo sự chỉ đạo của Trung ương, từ căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, *Đội Cứu quốc quân* cũng khẩn trương tiến hành triển khai công tác vũ trang tuyên truyền theo hướng Bắc tiến để khai thông với căn cứ Cao Bằng, chuẩn bị thành lập Khu giải phóng.

Tháng 4-1945, trước sự phát triển nhanh của tình hình trong nước và thế giới, Ban Thường vụ Trung ương đã triệu tập *Hội nghị quân sự Bắc Kỳ*, tại Hiệp Hòa (Bắc Giang) dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh. Hội nghị chỉ rõ: "phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật, để chuẩn bị cuộc Tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ" (4). Cùng với việc quyết định thống nhất Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Việt Nam Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân, Hội nghị cũng quyết định thành lập 7 chiến khu gồm: Chiến khu Lê Lợi, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Trần Hưng Đạo (Bắc Kỳ), Chiến khu Phan Đình Phùng, Trưng Trắc (Trung Kỳ), Chiến khu Nguyễn Tri Phương (Nam Kỳ).

Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, ngoài những chiến khu trên, tại các tỉnh cũng đã thành lập nhiều căn cứ cách mạng như: Hiền Lương (Hạ Hòa, Phú Thọ), Văn (Yên Bái), Quỳnh Lưu (Ninh Bình), Yên Thế (Bắc Giang), Lập Thạch (Vĩnh Yên), Hương Sơn, Cẩm Xuyên (Hà Tĩnh) Tam Kỳ, Quế Dương (Quảng Nam), Mộ Đức, Sơn Tịnh (Quảng Ngãi)... Vùng ngoại thành Hà Nội đã xây dựng được an toàn khu của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ.

Tại Nam Kỳ, tháng 5-1945, "Xứ ủy Tiền phong" tổ chức ra "Thanh niên tiên phong" lấy lá cờ vàng sao đỏ làm biểu tượng. Phong trào "Thanh niên tiên phong" nhanh chóng lan rộng và đến tháng 8-1945 đã trở thành lực lượng xung kích trong công tác tuyên truyền Chương trình Việt Minh, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Phong trào chuẩn bị khởi nghĩa, mua sắm vũ khí, thành lập đội tự vệ, vận động binh lính lan rộng dần trên hầu khắp các tỉnh thành như Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sa Đéc, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Rạch Giá, Châu Đốc, Tây Ninh, Hà Tiên...

Việc xây dựng các chiến khu, các căn cứ cách mạng và lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang đã tạo điều kiện để các địa phương tiến hành khởi nghĩa, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc khi thời cơ chín muồi.

2. Từ khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa trên toàn quốc

Bước sang năm 1944, trước thời cơ cách mạng đang đến gần, ngày 7-5-1944, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị "Về sửa soạn khởi nghĩa", nhấn mạnh thời cơ hết sức thuận lợi cho nhân dân Đông Dương giành chính quyền, "song thời cơ không phải tự nó đến, một phần lớn do ta sửa soạn nó, thúc đẩy nó" (5). Tiếp đó, ngày 10-8-1944, Tổng bộ Việt Minh ra Lời kêu gọi "Sắm sửa vũ khí! Đuổi quân thù chung" với khẩu hiệu: "Sắm vũ khí đánh đuổi Nhật-Pháp! Tinh thần tích cực sửa soạn khởi nghĩa muôn năm" (6).

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương. Năm cơ hội đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng họp tại Từ Sơn (Bắc Ninh) từ ngày 9 đến 12 tháng 3 năm 1945 đã ra Chỉ thị lịch sử: "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Chỉ thị yêu cầu các cấp bộ Đảng

"thay đổi mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa; động viên mau chóng quần chúng nhân dân lên mặt trận cách mạng, tập dượt cho quần chúng mạnh dạn tiến lên tổng khởi nghĩa". Chỉ thị yêu cầu các địa phương "Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ, để làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa" và "sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện" (7).

Nắm chắc thời cơ, ngay trong ngày 10-3-1945, mặc dù chưa nhận được Chỉ thị của Trung ương Đảng, Đảng bộ và Việt Minh một số địa phương đã chủ động lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền.

Mở đầu cho cuộc khởi nghĩa từng phần giành chính quyền là xã Trung Mậu (huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc Gia Lâm, Thành phố Hà Nội) và xã Thanh La (Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang). Đây là hai địa phương khởi nghĩa giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.

Thực hiện chủ trương xây dựng căn cứ địa, một vùng "an toàn khu" đã được xây dựng ở xung quanh Hà Nội, Hà Tây và Bắc Ninh, trong đó có xã Trung Mậu, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Ngay sau khi được tin Nhật đảo chính Pháp, chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương xã Trung Mậu đã quyết định phát động quần chúng nổi dậy, uy hiếp bộ máy tổng lý và thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng xã. Sau đó để tránh địch khủng bố, Đảng chủ trương duy trì hình thức bộ máy tổng lý cũ, nhưng thực tế, chính quyền về tay nhân dân.

Tại Tuyên Quang, căn cứ vào chủ trương chung của Đảng và tình hình cụ thể của địa phương, Ban lãnh đạo phân khu Nguyễn Huệ đã quyết định phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Đêm 10-3, dưới sự chỉ đạo của cấp bộ Đảng và

Việt Minh, lực lượng vũ trang mà nòng cốt là Đội Cứu quốc quân 3 cùng đông đảo quần chúng nhân dân xã Thanh La, huyện Sơn Dương đã nổi dậy tước vũ khí của lính đông, bắt bọn tổng lý, tịch thu bằng sắc, triện của chính quyền địch. Xã Thanh La được hoàn toàn giải phóng trong đêm 10-3-1945.

Sáng 11-3-1945, hàng ngàn quần chúng nhân dân cùng các đội Cứu quốc quân và dân quân tự vệ đã tham dự cuộc mít tinh giương cao cờ đỏ sao vàng, với biểu ngữ "Việt Nam độc lập muôn năm, "ủng hộ Việt Minh", "Đả đảo phát xít Nhật" tiến về giải phóng Đảng Châu - huyện lỵ Sơn Dương. Trước khí thế và áp lực mạnh mẽ của lực lượng khởi nghĩa, hương đông và tổng lý, kỳ hào các nơi đều áo mũ chỉnh tề trình diện và nộp vũ khí, các giấy tờ, bằng sắc cho lực lượng cách mạng. Tiếp đó, đêm 12 rạng ngày 13-3-1945, lực lượng khởi nghĩa tiến đánh và hạ đồn Đảng Châu, thu nhiều vũ khí, phá kho thóc của Nhật ở huyện lỵ chia cho nhân dân. Sau khi Đảng Châu được giải phóng, ngày 16-3-1945, Ban lãnh đạo phân khu Nguyễn Huệ tổ chức cuộc mít tinh lớn tại Thanh La, tuyên bố thành lập châu Tự Do và Ủy ban Cách mạng lâm thời châu, đây là chính quyền cách mạng cấp châu đầu tiên được thành lập ở Tuyên Quang cũng như trên cả nước (8).

Như vậy, ngay ngày 10-3-1945, trong khi Ban Thường vụ Trung ương Đảng đang họp để quyết định ra Chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" thì trong nước đã có 2 địa phương chủ động khởi nghĩa giành chính quyền trước khi có Chỉ thị của Trung ương Đảng. *Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Trung Mậu và Thanh La đã mở ra cao trào khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.*

Tại Cao Bằng, đêm 11-3-1945, lực lượng vũ trang châu *Hà Quảng* bao vây châu lỵ, vận động nhân dân nổi dậy giành chính

quyền. Ngày 15-3-1945, châu *Hà Quảng* được giải phóng. Tiếp đó, ngày 15-3-1945, nhân dân tổng *Lực Nông*, châu Nguyên Bình và tiếp đó ngày 16-3, nhân dân tổng *Lạc Giao* châu Quảng Uyên nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Tại Bắc Kạn, chỉ trong vòng 10 ngày, từ 20 đến 30-3-1945, trừ huyện Bạch Thông còn quân Nhật chiếm đóng, hầu hết các địa phương của tỉnh Bắc Kạn đã giành được chính quyền. Như vậy, từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1945, các huyện, xã thuộc các tỉnh trên địa bàn khu Việt Bắc như Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Thái Nguyên đã lần lượt giành được chính quyền, trừ tại các tỉnh lỵ.

Trước sự lớn mạnh của lực lượng và phong trào cách mạng và do yêu cầu xây dựng căn cứ địa cách mạng của cả nước, ngày 4-6-1945, Tổng bộ Việt Minh ra Nghị quyết "*Lập Khu Giải phóng*". Nghị quyết nêu rõ: "Để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa sắp đến, tất cả các khu vực quân giải phóng đã chiếm được thống nhất lại thành một khu gọi là Khu Giải phóng. Ủy ban Chỉ huy lâm thời Khu Giải phóng phụ trách lãnh đạo toàn khu về các phương diện chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội" (9).

Tiếp đó, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Hội nghị đại biểu 6 tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên và Tuyên Quang chính thức thành lập Khu Giải phóng. Khu Giải phóng bao gồm hầu hết các tỉnh Việt Bắc và một phần các tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên với số dân khoảng 1 triệu người. Khu Giải phóng đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Chỉ huy lâm thời, dưới khu có Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp. *Khu Giải phóng Việt Bắc, "hình ảnh nước Việt Nam mới"* trở thành trung tâm lãnh đạo cách mạng, hậu phương và bàn đạp cho thế trận Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945.

Tại các tỉnh đồng bằng, ngày 12-3-1945, Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang đã quyết định phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền ở cấp xã, phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói cho nhân dân. Tối 12-3-1945 tại cuộc mít tinh ở làng *Xuân Biều* (huyện Hiệp Hòa) với gần 70 tự vệ và hơn 300 quần chúng tham dự, Ban Việt Minh xã công bố thủ tiêu chính quyền bù nhìn, lập Ủy ban Dân tộc giải phóng xã. Tiếp đó, chỉ trong thời gian ngắn, lực lượng khởi nghĩa đã giành được chính quyền ở các huyện Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Thế, Lục Ngạn, Yên Dũng, tạo điều kiện thuận lợi để tiến lên giành chính quyền trong toàn tỉnh.

Tại Trung Kỳ, ngay khi được tin Nhật đảo chính Pháp, ngày 12-3-1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã huy động một lực lượng lớn với hơn 300 quần chúng phối hợp với các tù nhân chính trị nổi dậy vây đồn Ba Tơ, buộc bọn chỉ huy phải tháo chạy, binh lính đầu hàng. Ban Chỉ huy khởi nghĩa đã tổ chức mít tinh, tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng Ba Tơ. Ngày 14-3-1945, “Đội du kích Cứu quốc”, sau này là Đội du kích Ba Tơ được thành lập với 28 chiến sĩ.

Đến tháng 8-1945, trước tình hình chuyển biến mau lẹ, thời cơ tổng khởi nghĩa đã đến gần, ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc và 23 giờ cùng ngày, Ủy ban khởi nghĩa ra *Quân lệnh số 1* hạ lệnh tổng khởi nghĩa (10).

Ngày 14-8, Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc tại Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang). Hội nghị nhận định: “*Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập dân tộc đã tới*”, và quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân đồng minh vào Đông Dương.

Ngay sau Hội nghị Trung ương Đảng, cũng tại Tân Trào, ngày 16-8-1945, Đại hội

Quốc dân được tiến hành. Đại hội thông qua Mệnh lệnh khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam, có vai trò như Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Với cương vị là Chủ tịch Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi *Thư kêu gọi đồng bào cả nước*: “Giờ quyết định cho vận mệnh của dân tộc đã đến! Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta (...). Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên” (11).

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân khắp mọi miền đất nước đã đứng dậy, và chỉ trong vòng hai tuần, Tổng khởi nghĩa đã diễn ra và thành công trên toàn quốc, lập ra chính quyền nhân dân, mở ra thời kỳ mới cho dân tộc Việt Nam.

Tại Bắc Bộ, ngày 13-8-1945, Kỳ bộ Việt Minh Bắc Kỳ ra tuyên bố “thời kỳ tiền khởi nghĩa đã hết, chúng ta đứng trong tình thế trực tiếp khởi nghĩa”, kêu gọi nhân dân nổi dậy giành chính quyền. Cao trào khởi nghĩa đã nhanh chóng bùng lên trên tất cả các địa phương ở Bắc Bộ. Ngày 18-8-1945, nhân dân 2 tỉnh Bắc Giang và Hải Dương đã khởi nghĩa thành công. Đây là hai địa phương giành chính quyền sớm nhất ở Bắc Bộ.

Tại Hà Nội, chiều ngày 17-8-1945, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, nhân dân nội và ngoại thành Thành phố Hà Nội chủ yếu là công nhân, thanh niên và tự vệ cứu quốc đã biến cuộc mít tinh của Tổng hội công chức do Nhật dựng lên thành cuộc mít tinh của Việt Minh. Tự vệ chiến đấu cướp lễ đài, hạ cờ quẻ ly thay bằng cờ đỏ sao vàng trong tiếng hò reo của nhân dân. Đội tuyên truyền xung phong hô hào đồng bào tích cực chuẩn bị tham gia khởi nghĩa lật đổ chính quyền thân Nhật, giành độc lập.

Trước tình hình đó, Ủy ban khởi nghĩa Thành phố quyết định biến cuộc mít tinh thành cuộc biểu tình tuần hành của nhân dân. Đoàn tuần hành diễn qua Tòa thị chính, Phủ Toàn quyền và các phố chính hô vang khẩu hiệu “Ủng hộ Việt Minh”, “Đả đảo bù nhìn”, “Việt Nam hoàn toàn độc lập”. Sau cuộc biểu tình này, Ủy ban quân sự Hà Nội quyết định phát động khởi nghĩa dưới hình thức biểu tình của quần chúng nhân dân. Sáng ngày 19-8-1945, cuộc biểu tình rầm rộ chưa từng có với sự tham dự của 20 vạn nhân dân nội, ngoại thành đã diễn ra tại quảng trường Nhà hát Lớn dưới sự điều khiển của Tổng bộ Việt Minh. Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa, đánh đổ chính quyền thân Nhật, thành lập Chính phủ cộng hòa dân chủ. Tiếp đó, đoàn biểu tình chia thành nhiều tốp tỏa ra khắp các ngả chiếm Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Tòa Thị chính, Sở Mật thám, Sở Cảnh sát, Sở Bưu điện... Ngày 20-8-1945, Ủy ban Nhân dân cách mạng Bắc Bộ và Ủy ban Nhân dân cách mạng Hà Nội được thành lập.

Thắng lợi của khởi nghĩa ở Hà Nội tạo đà cho việc giành chính quyền ở các địa phương trong cả nước. Tại Bắc Kỳ, cho đến ngày 25-8-1945, về cơ bản lực lượng khởi nghĩa đã giành được chính quyền trên hầu hết các tỉnh thành một cách hòa bình.

Tại Trung Bộ, hai địa phương giành chính quyền sớm từ ngày 18-8-1945 là Hà Tĩnh và Quảng Nam. Tại Huế, từ ngày 18-8-1945, nhân dân ở các huyện vùng nông thôn lần lượt nổi dậy khởi nghĩa. Ngày 23-8-1945, quần chúng cùng các lực lượng vũ trang cách mạng từ các huyện tiến về thành phố, chia thành các ngả chiếm giữ các công sở của chính quyền tay sai. Trưa ngày 23-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa tổ chức mít tinh với sự tham dự của 15 vạn người tại sân vận động Thành phố Huế, tuyên bố thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng Thừa Thiên Huế.

Tại các địa phương khác, từ ngày 17 đến ngày 23 tháng 8 năm 1945, khởi nghĩa giành chính quyền đã diễn ra và thắng lợi ở phần lớn các tỉnh miền Trung.

Tại Nam Bộ, ngày 20-8-1945, tin khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội lan vào Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ làm cho khí thế cách mạng dâng cao hơn bao giờ hết. Đêm 24-8-1945, các lực lượng khởi nghĩa của công nhân, nông dân, thanh niên với gậy tầm vông và giáo mác từ các tỉnh tiến về Sài Gòn. Chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng khởi nghĩa chiếm lĩnh được dinh Thống đốc Nam Kỳ, bắt giữ Khâm sai của chính quyền thân Nhật, chiếm trại lính, đồn cảnh sát, Kho bạc, Sở Bưu điện, Nhà máy điện, Nhà máy nước và một số cây cầu quan trọng cũng như các giao điểm ra vào thành phố. Tuy nhiên, do quân Nhật không nhượng bộ hoàn toàn nên một số nơi trọng yếu như Phủ Toàn quyền, Ngân hàng Đông Dương, bến tàu quân sự, sân bay Tân Sơn Nhất... vẫn do Nhật chiếm giữ.

Sáng ngày 25-8-1945, hơn 1 triệu quần chúng nội và ngoại thành Sài Gòn, các tỉnh miền Đông và miền Tây, các tỉnh Tây Nguyên, kể cả từ Campuchia đã đổ về trung tâm thành phố dự mít tinh. Cuộc mít tinh đã thực sự trở thành một cuộc biểu dương lực lượng của nhân dân Nam Bộ. Đại diện Xứ ủy Nam Kỳ ra tuyên bố chính quyền về tay Việt Minh, Ủy ban lâm thời Nam Bộ được thành lập.

Thắng lợi ở Sài Gòn đã tạo đà cho phong trào khởi nghĩa của các tỉnh còn lại của Nam Bộ. Dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy, lực lượng tự vệ của Công đoàn, Thanh niên Tiền phong từ Sài Gòn đã tỏa về các địa phương trong vùng, kết hợp với các tổ chức cơ sở đảng ở các tỉnh, kêu gọi quần chúng nhân dân đứng lên giành chính quyền. Đến ngày 28-8-1945, trên toàn Nam Bộ, chính quyền đã về tay nhân dân. Khởi nghĩa diễn ra nhanh gọn, đúng kế hoạch và tránh được đổ máu.

Như vậy, đến ngày 28-8-1945, về cơ bản, cuộc tổng khởi nghĩa đã thắng lợi trên phạm vi cả nước. Tại một số tỉnh ở Bắc Bộ như Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Vĩnh Yên, Hải Ninh do sự câu kết giữa lực lượng phản cách mạng trong nước với quân đội Trung Hoa Dân quốc nên việc khởi nghĩa giành chính quyền không tiến hành đồng thời với các tỉnh khác và phải sau khi lực lượng này rút đi, ta mới thiết lập được chính quyền cách mạng.

*

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Việt Nam bắt đầu diễn ra từ tháng Ba với các cuộc khởi nghĩa từng phần trên các địa phương và giành thắng lợi hoàn toàn bằng cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 trên cả nước. Đó là thắng lợi của đường lối đoàn kết toàn dân tộc, huy động sức mạnh toàn dân tập hợp chung quanh Mặt trận Việt Minh, chiến đấu vì mục tiêu duy nhất và cao cả là giành độc lập cho dân tộc.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của quá trình chuẩn bị lâu dài của Đảng, từ xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa và các chiến khu trên cả nước.

Thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của chủ trương tiến hành khởi nghĩa từng phần bắt đầu nổ ra từ tháng 3 -1945 khi phát xít Nhật tiến hành đảo chính Pháp đến Tổng khởi nghĩa toàn quốc khi điều kiện chín muồi vào tháng Tám năm 1945.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thắng lợi của chủ trương “xã giải phóng xã”, “huyện giải phóng huyện”, “tỉnh giải phóng tỉnh” và việc thành lập chính quyền cách mạng các cấp tiến tới thành lập Khu giải phóng Việt Bắc - Trung tâm lãnh đạo cách mạng của cả nước.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 còn là thắng lợi của nghệ thuật chủ động đón thời cơ khi phát xít Nhật đang bị đánh bại, quân đội Pháp bạc nhược. Ngày 13-8-1945, khi thời cơ đến, Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh đã thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc và ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh Tổng khởi nghĩa trên toàn quốc, và chỉ trong vòng 2 tuần, Tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi trên cả nước.

Như vậy, thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không phải là giành "khoảng trống quyền lực" như quan điểm của một số học giả nước ngoài, mà là kết quả của đường lối đoàn kết toàn dân tộc, của quá trình chuẩn bị lực lượng mọi mặt, của nghệ thuật chủ động đón thời cơ, của chủ trương tiến hành khởi nghĩa từng phần tiến tới phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc.

Kinh nghiệm thành công của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 được Đảng vận dụng sáng tạo và linh hoạt vào hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân vào mùa Xuân năm 1975, đem lại hòa bình, độc lập và thống nhất Tổ quốc.

CHÚ THÍCH

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (9), (10). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.131-132, 461, 461, 461, 39, 498, 504, 367, 541, 430, 596.

(8). Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 66-68.

(11). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 596.